

KINH VÔ LƯỢNG NGHĨA

HT.Mật Thể

Nguồn

<http://www.thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 21-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Lời Giới Thiệu

Phật dùng ba chữ “VÔ LƯỢNG NGHĨA” để mệnh danh cho cuốn kinh này, là vì có nghĩa không lường ở trong từng câu từng chữ vậy. Đã có không lường nghĩa, tất nhiên nói không kịp, nghĩ thì sai, chỉ Phật mới hoàn toàn thấu suốt được.

Tuy phàm trí chúng ta không thấu được Thánh trí, nhưng chúng ta cũng có thể căn cứ vào hai chữ Vô-lượng mà hiểu. Pháp của Phật nói ra có nhiều Vô lượng bởi vì căn cơ chúng sinh có nhiều vô lượng, nên phải dùng vô lượng nghĩa màu để chỉ cho chúng sinh vô lượng tâm niệm mê lầm, vô lượng nhân quả, vô lượng chủng loại, vô lượng thế giới... Cho đến vô lượng công đức từ, bi, hỷ, xả, vô lượng thần thông diệu dụng v.v. Pháp nào cũng vô lượng, vì pháp nào cũng không ra ngoài thật tướng viên dung vô lượng.

Trong kinh này Phật đã trả lời cho Ngài Đại Trang Nghiêm Bồ-tát ; Có một pháp môn gọi là “Vô Lượng Nghĩa”. Bồ - tát muốn tu học pháp môn này, cần phải quán sát tất cả các pháp bản lai tánh tướng đều rỗng rang vắng lặng, không lớn nhỏ, không sanh diệt, không dừng nghỉ, không lay động, không tới lui, như hư không, không có hai tướng. Các loài chúng sinh ở trong ấy, sanh tâm vọng chấp là đây với kia, đặng với mất, rồi khởi ra các tâm niệm không lành, gây các nghiệp dữ, luân hồi trong 6 đường, chịu đủ các khổ độc, vô lượng ức kiếp không thể tự ra được. Bồ - tát quán sát như vậy, sanh tâm thương xót, phát tâm đại từ bi cứu độ tất cả chúng sinh ra khỏi vô lượng khổ não v.v...”

Như thế đã làm cho chúng ta nhận thấy bản ý của Phật nói kinh này, cốt chỉ rõ thể tướng vô lượng của vô lượng thân, tâm và sự vật. Nếu muốn chúng nhập phải từ một nghĩa trong vô lượng nghĩa, là tất cả

nói phô và suy nghĩ, lóng thần lại mới hội ý được. Vậy nên Phật đã chỉ cho chúng ta bằng lời, chúng ta phải hiểu bằng ý ngoại mà quán sát, mà tu học.

Thầy Mật Thể Hải Tịnh, Giáo sư Phật học đường Trung Việt, dịch cuốn kinh này là góp vào một viên đá trong vô lượng viên đá của nền tảng Phật giáo quốc văn, cốt ý gieo giống vô thượng Bồ - đề trong ruộng bát thức của thế gian này.

Hội đồng chúng tôi một lòng tùy hỷ viết mấy lời này giới thiệu cùng hải nội chư vị thiện tri thức mong rằng khi đọc cuốn kinh này thần lạng trí yên, thâm nhập nghĩa mầu vô lượng, để cho tâm tánh bớt mê, nhân loại được sáng, cõi đời ô trọc biến thành thanh tịnh trang nghiêm, thì nhân sanh hạnh phúc còn có gì hơn nữa !

Phật lịch 2513 - Thuận Hóa Xuân Canh Dần

*Chủ tọa Hội đồng Kiểm duyệt
Giáo lý Phật giáo Trung Việt
THÍCH TỊNH KHIẾT*

--- o0o ---

KINH VÔ LƯỢNG NGHĨA
Ngài Tam Tạng Đàm-ma-già-đà Gia xá
(Thiên Trúc) dịch ra tiếng Trung Hoa

Tôi nghe như vậy :

Một thời Phật ở trong núi Kỳ-xà, thành Vương-xá, cùng chúng đại Tỳ-kheo cả thầy một vạn hai ngàn người, chúng đại Bồ-tát tám vạn người, cùng những hàng Thiên, Long, Dạ xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già và các bậc Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di v.v. Lại có các vị đại chuyển luân vương, tiểu Chuyển luân vương, Kim luân vương, Ngân luân vương cùng các vị Quốc vương, Vương tử, thần dân sĩ, nữ và các bậc Trưởng giả, đều cùng quyến thuộc trăm ngàn muôn người, cùng nhau đi đến chỗ Phật, cúi

đầu đánh lễ, nhiều trăm ngàn vòng, đốt hương rải hoa, dâng các món cúng dường. Sau khi cúng dường Phật xong lui ngồi một phía.

Các vị đại Bồ-tát như ngài Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử, Đại-oai-đức-tạng Pháp vương tử, Vô-ưu-tạng Pháp vương tử, Đại-biện-tạng Pháp vương tử, Di-lặc Bồ-tát, Đạo-thủ Bồ-tát, Dược Vương Bồ-tát, Dược Thượng Bồ-tát, Hoa Tràng Bồ-tát, Hoa Quang Bồ-tát, Đà-la-ni Tự-tại-vương Bồ-tát, Quan Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, Thường-bát-khinh Bồ-tát, Bảo-án-thủ Bồ-tát, Tỳ-ma-bạt-la Bồ-tát, Hương Tượng Bồ-tát, Đại Hương Tượng Bồ-tát, Sư-tử-phấn-tán Bồ-tát, Sư-tử-tinh-tán Bồ-tát, Dõng-nhuệ-lực Bồ-tát, Sư-tử-oai-mãnh-phục Bồ-tát, Trang Nghiêm Bồ-tát, Đại Trang Nghiêm Bồ-tát v.v. Các bậc Bồ-tát cả thấy tám vạn ngài, đều là bậc Pháp thân đại sĩ, do tu tập giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến mà được thành tựu, tâm các ngài thùy nhiên tịch, thường ở trong chánh định, an vui thanh tịnh, vô vi vô dục, điên đảo loạn tưởng không còn xen vào, vắng lặng trong sạch, chuyên chí vào đạo mầu rộng lớn, trải trăm ngàn kiếp, giữ gìn không lay động, không lường pháp môn thấy đều hiện tiền, đặng trí huệ lớn, thông suốt các pháp tỏ rõ phân biệt, tánh tướng chơn thật, thông suốt các pháp hiển hiện rõ ràng. Lại khéo biết căn tánh dục lạc của các chúng sinh, dùng Đà-la-ni vô ngại biện tài, tùy thuận chuyển nói Pháp luân của chư Phật đã chuyển. Trước hết rưới xuống những hạt mưa nhỏ làm dịu dục trần, mở cửa Niết-bàn, thổi gió giải thoát, trừ nhiệt não thế gian, được pháp vị thanh lương. Kế đó lại đưa ra pháp thậm thâm mười hai nhơn duyên, dùng để rưới tắt những khổ vô minh sanh, lão, bệnh, tử v.v. hừng hực như lửa mặt trời nhóm lại. Bấy giờ mới dội mưa pháp vô thượng Đại thừa, đem nhuần cho các chúng sinh căn lành sẵn có, gieo hạt lành vào ruộng công đức, khiến cho tất cả đều được nảy mầm Bồ-tát. Do mặt trời mặt trăng trí huệ, do thời tiết phương tiện giúp đỡ tăng trưởng các sự nghiệp đại thừa, khiến được chóng thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thường trú an lạc, chơn thật nhiệm mầu. Các vị Bồ-tát ấy, có không lường đại bi cứu khổ chúng sinh, ấy là bậc chân thiện tri thức của chúng sinh, là ruộng phước lành lớn của chúng sinh, là bậc Thầy không rời của chúng sinh, là chỗ vui vẻ an ổn, chỗ cứu giúp, chỗ nương tựa lớn của chúng sinh, đâu đâu cũng vì chúng sinh làm bậc đại lương y, bậc đạo sư, bậc đại đạo sư, làm con mắt cho chúng sinh mù, làm lối tai, mũi, lưỡi, cho các chúng sinh điếc, câm; các chúng sinh các căn hủy khuyết khiến được lành đủ, các chúng sinh điên cuồng tán loạn khiến được chánh niệm lớn, làm lái

thuyền, người lái thuyền, giỏi vận chở chúng sinh qua biển sanh tử, an trí bờ Niết-bàn; làm bậc Y vương, Đại Y vương phân biệt các chứng bệnh, tỏ rõ được tánh, theo bệnh cho thuốc, khiến đều ưa dùng; dường như người cỡi voi ngựa giỏi, hay điều phục tất cả như sư tử mạnh, oai thần dũng cảm, các thú phải phục, khó thể trở hoai; thường dạo chơi trong các pháp Bà-la-môn của Bồ-tát mà với Như Lai địa vẫn kiên cố bất động, an trú nơi sức hạnh nguyện, tịnh cõi nước Phật, không bao lâu sẽ thành đạo Vô thượng Bồ-đề. Các vị đại Bồ-tát này, đều có đức không thể nghĩ nghĩ như vậy.

Còn các bậc Tỳ-kheo tên là Đại Trí Xá-lợi-phát, thần thông Mục-kiền-liên, Huệ mạng Tu-bồ-đề, Ma-Ha-ca-chiên-diên, Phú-lâu-na-di-đa-la-ni-tử, A-nhã-kiều-trần-như v.v. và thiên nhân A-na-luật, trì luật Ưu-ba-ly, thị giả A Nan, Phật tử La-vân tức La-hầu-la, Ưu-ba-nan-đà, Ly-bà-đa, Kiếp-tân-na, Bạt-câu-la, A-châu-đà, Ta-già-đà, đầu đà Đại-ca-diếp, Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp, Già-da, Ca-diếp, Na-đề-ca-diếp v.v. Những bậc Tỳ-kheo như vậy, cả thấy một vạn hai ngàn người, đều đã chứng quả A-la-hán ; đã đến bậc chân chánh giải thoát, hết cát kiết lậu không còn triền phược.

* * *

Bấy giờ ngài Đại-trang-nghiêm Bồ-tát ma-ha-tát, quán sát chúng hội tâm ý đều đã an định, ngài liền cùng tám vạn Bồ-tát ma-ha-tát, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến chỗ Phật, đánh lễ chân Phật, nhiều trăm ngàn vòng, đốt hương trời, rải hoa trời, áo trời, chuỗi anh lạc trời, vô giá bảo châu trời từ trên không lần lượt rơi xuống, chong chất tư bề để cúng dường Phật. Lại, nhà trù chư thiên, bát đĩa chư thiên, cùng các thức vị chư thiên, đầy đủ trăm mùi, thấy sắc nghe hương tự nhiên no đủ. Lại nữa tràng phan bảo cái, các món nhạc trời, sắp bày các chỗ lên tiếng nhạc dịu dàng, vui vẻ cúng dường Phật.

Khi ấy cả tám vạn Bồ-tát ma-ha-tát liền quỳ trước Phật nhất tâm đồng thanh nói kệ tán Phật :

Đức Đại-giác-ngộ, Đại-thánh-chúa,
Không còn cấu nhiễm, không tham trước
Đấng Điều Ngự điều phục hơn thiên
Gió hương đạo đức xông khắp cả
Lự sạch trí lặng, tình đơn bạc

Ý diệt, thức mất, tâm lặng yên
Hằng dứt tà tư cùng vọng niệm
Không còn các đại âm, giới, nhập
Thân không phải có cũng không không
Không nhờn, không duyên, không tha, tự
Không vuông, không tròn, không dài ngắn
Không ra, không vào, không sanh diệt
Không tạo, không khởi, không tác vi
Không ngồi, không nằm, không đi đứng
Không lay động, cũng không nhàn tịnh
Không tiến, không thối, không an nguy
Không phải, không chẳng, không được mất
Không kia, không đây, không qua lại
Không xanh, không vàng, không trắng đỏ
Không hồng, không tía, không các sắc
Giới, định, huệ ngũ phạm thường sanh
Tam minh lục thông hằng phát hiện
Từ bi nhập lực tứ vô úy
Nhơn duyên chúng sinh đủ phước lành
Hiện thân trượng sáu tỏa ánh vàng
Đứng dẫn rực rỡ quá sáng suốt
Bạch hào xoay xoay ngời đánh trán
Tóc xoắn láng xanh cùng nhục kế
Đôi mắt trong ngời như gương sang
Mày đen miệng rộng, gò má đầy
Môi lưỡi đỏ hồng tuồng trái chín
Bốn mươi răng trắng giống ngọc kha
Trán rộng mũi cao khuôn mặt đầy
Chữ Vạn trước ngực ức Sư tử
Tay chân mềm dịu đủ ngàn khuyển
Khẽ tay sát sao không trông hờ
Cánh tay dong giả ngón thon vút
Da thừa tế nhị long vòng xuôi
Nam căn dấu kín tướng ẩn mặt
Gân nhỏ xương chuyền bụng sát sao
Trong ngoài sáng suốt không như cầu
Bụi trần nước sạch chẳng dính da
Bao nhiêu tướng trang nghiêm như vậy
In tuồng hiện ra có thể thấy
Mà thật vô tướng không sắc tướng

Tuyệt hẳn bao nhiêu tướng hữu hình
Trong tướng vô tướng hiện thân tướng
Tùy duyên hiện tướng như chúng sinh
Hay khiến chúng sinh sanh hoan hỷ
Lòng thành ý kính hằng siêng năng
Vì vậy tự cao ngã mạng hết
Thành tựu sắc thân đẹp như kia
Nay chúng tôi tám vạn Bồ-tát
Đều cùng cúi đầu xin quy y
Khéo diệt tư tưởng tâm, ý, thức
Điều Ngự tượng mã Thánh Vô trước
Cúi đầu quy y Pháp thân Phật
Giới, định, huệ, giải thoát tri kiến
Cúi đầu quy y tướng nhiệm mầu
Cúi đầu quy y khó nghĩ nghĩ
Tiếng Phạm vang lừng tám món rung
Rất sâu xa mầu nhiệm trong sạch
Bốn đế, sáu độ, mười hai duyên
Thuận tâm nghiệp chúng sinh mà chuyển
Người nghe tâm ý đều mở tỏ
Liên dứt không lường tội sanh tử
Người nghe hoặc đặng Tu-đà-hoàn
Tu-đà, A-na. A-la-hán
Cảnh Duyên giác vô lậu, vô vi
Bậc Bồ-tát vô sanh vô diệt
Hoặc đặng không lường Đa-la-ni
Vô ngại lạc thuyết đại biện tài
Diễn nói, kệ tán rất nhiệm mầu
Dạo chơi tắm rửa ao trong mát
Hoặc nhảy hoặc bay hiện thần thông
Ra vào lửa nước thân tự tại
Tướng Pháp luân Như Lai là thể
Thanh tịnh không ngần khó nghĩ nghĩ
Chúng tôi đều cùng cúi đầu lạy
Quy y pháp luân chuyển phải thời
Cúi đầu quy y tiếng phạm âm
Cúi đầu quy y duyên, tế, độ
Thể Tôn xưa trước không lường kiếp
Khó nhọc tu hành các đức hạnh
Làm chúa nhưn thiên cùng Long thần

Và cả đến tất cả chúng sinh
Hay xả những cái rất khó xả
Của báu, vợ con và thành nước
Các pháp trong ngoài không luyến tiếc
Đầu, mắt, tủy, não đều cho người
Vâng giữ tịnh giới của chư Phật
Dù đến mất mạng không hủy phạm
Nếu người dùng dao gậy đánh đập
Nộp rửa máng nhức đều không sân
Nhiều kiếp hy sinh không chán nản
Luôn luôn nhiếp tâm tại thuyền định
Học khắp tất cả các đạo pháp
Trí huệ thâm nhập căn chúng sinh
Vậy nên nay được sức tự tại
Với pháp tự tại là Pháp vương
Hay siêng năng việc khó siêng năng
Chúng tôi cúi đầu cung kính lạy.

Bấy giờ Ngài Đại-trang-nghiêm Bồ-tát ma-ha-tát cùng tám vạn Bồ-tát, sau khi nói bài kệ tán Phật, đều bạch Phật rằng :

“Thế Tôn ! Chúng tôi cả thấy tám vạn Bồ-tát, nay ở trong giáo pháp của Như Lai, có điều cần hỏi, chẳng hay đức Thế Tôn có đủ lòng thương xót cho không ?

Phật bảo Ngài Đại-trang-nghiêm Bồ-tát cùng tám vạn Bồ-tát rằng :
“Hay lắm, hay lắm, Thiện nam tử ! Người khéo biết thời, Như Lai không bao lâu sẽ nhập Niết-bàn ta muốn cho tất cả chúng sinh không còn điều nghi ngờ. Vậy nay người muốn hỏi gì, cho người tự tiện cứ hỏi”.

Khi ấy Ngài Đại-trang-nghiêm Bồ-tát cùng tám vạn liền đồng thanh bạch Phật: “Bạch Thế Tôn ! Các Bồ-tát ma-ha-tát muốn chóng thành đạo Vô thượng Bồ-đề, phải tu học pháp môn gì, và pháp môn gì khiến các Bồ-tát ma-ha-tát được chóng thành đạo Vô thượng Bồ-đề ?”

Phật bảo Ngài Đại-trang-nghiêm Bồ-tát với tám vạn Bồ-tát rằng :
“Thiện nam tử! Có một pháp môn hay khiến Bồ-tát chóng được đạo

Vô thượng Bồ-đề, nếu có Bồ-tát tu học pháp môn ấy thì liền đặng thành đạo Vô thượng Bồ-đề”

- Bạch Thế Tôn ! Pháp môn ấy gọi là gì ? Nghĩa lý ra sao ? Và các vị Bồ-tát làm sao tu trì ?

Phật dạy : “Thiện nam tử ! Pháp môn ấy gọi là “Vô Lượng Nghĩa” Bồ-tát muốn tu học Vô lượng nghĩa ấy, phải nên quán sát tất cả các pháp từ xưa đến nay tánh tướng vắng lặng, không lớn không nhỏ, không sanh không diệt, không an trú không lay động, không tới không lui, dường như hư không không có hai pháp. Bởi các chúng sinh mê lầm chấp trước là đây là kia, là đặng là mất, khởi niệm chẳng lành, gây các nghiệp dữ, luân hồi sáu thú chịu các khổ độc, không lường ước kiếp chẳng ra khỏi được. Bồ-tát ma-ha-tát quán sát như vậy, sanh tâm lân mẫn phát tâm Đại từ bi cứu vớt chúng sinh. Lại còn thâm nhập tất cả các pháp, pháp tướng như vậy thì sanh pháp cũng như vậy, pháp tướng như vậy thì trú pháp cũng như vậy, pháp tướng như vậy thì dị pháp cũng như vậy, pháp tướng như vậy thì diệt pháp cũng như vậy, pháp tướng như vậy mà vẫn sanh ra các ác pháp, pháp tướng như vậy mà vẫn sanh ra các thiện pháp, cho đến trú, dị, diệt cũng như vậy. Bồ-tát cứ thế quán sát gốc ngọn bốn tướng sanh, trú, dị, diệt, liền đặng biết khắp tất cả. Thử lại để quán sát tất cả các pháp niệm niệm không an trú, liền sanh liền diệt. Lại quán một thời, một niệm đủ có bốn tướng sanh, trú, dị, diệt. Bồ-tát quán sát như vậy rồi, thấu rõ tâm ưa muốn của các chúng sinh. Mà lòng ưa muốn vô lượng nên thuyết pháp cũng vô lượng, bởi thuyết pháp vô lượng nên nghĩa cũng vô lượng. Mà vô lượng nghĩa ấy cũng từ trong một pháp sanh ra. Một pháp ấy tức là vô tướng vậy. Pháp vô tướng ấy, không có tướng và không không tướng, không có tướng, không không tướng gọi là thật tướng. Bồ-tát ma-ha-tát an trú trong tướng chơn thật ấy rồi phát tâm từ bi, rõ ràng chắc thật không dối, đối với các chúng sinh thiết thực cứu vớt được khỏi các khổ não. Khổ não đã cứu vớt rồi, lại vì thuyết pháp khiến các chúng sinh được hưởng an vui.

Thiện nam tử ! Bồ-tát nếu được tu tập pháp môn vô lượng nghĩa ấy chắc được chóng thành đạo Vô thượng Bồ-đề. Thiện nam tử ! Pháp đại thừa Vô lượng nghĩa này rất sâu xa màu nhiệm, văn lý chơn chánh, không gì cao quý hơn, ba đời các đức Phật đều cùng giữ gìn, tất cả tà ma ngoại đạo không thể xâm phạm, không bị tà kiến

sanh tử phá hoại. Vậy nên, Thiện nam tử ! Bồ-tát ma-ha-tát muốn chóng thành đạo Vô thượng Bồ-đề, phải nên tu học pháp Đại thừa Vô lượng nghĩa. Vô thượng thậm thâm này”.

Bấy giờ ngài Đại-trang-nghiêm Bồ-tát lại bạch Phật rằng : “Bạch Thế Tôn ! Ngài nói pháp không thể nghĩ nghĩ; căn tánh chúng sinh cũng không thể nghĩ nghĩ, pháp môn giải thoát cũng không thể nghĩ nghĩ, chúng tôi đối với các pháp Phật dạy không còn nghi nan, mà các chúng sinh tâm mê làm cho nên cần phải hỏi lại. Bạch Thế Tôn ! Từ khi Ngài thành đạo đến nay, đã hơn bốn mươi năm, thường vì chúng sinh diễn thuyết nghĩa bốn tướng của các pháp là: Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, không lớn không nhỏ, không sanh không diệt, nhất tướng vô tướng, pháp tánh pháp tướng xưa nay vắng lặng, không đi không lại, không ra không vào, nếu có người nghe, hoặc đặng Noãn pháp Đảnh pháp, Thế đệ nhất pháp, hoặc được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích-chi Phật đạo. Nếu người phát tâm đại thừa, thì lại chứng lên bậc Sơ địa, Nhị địa, Tam địa, cho đến Thập địa. Vậy, nghĩa của Phật nói ngày trước cùng với nghĩa của Phật nói ngày nay có khác gì không. Mà Phật bảo Pháp Đại thừa Vô lượng nghĩa ấy, Bồ-tát tu hành chắc đặng chóng thành đạo Vô thượng Bồ-đề. Nghĩa này thế nào. cúi xin đức Thế Tôn dù lòng thương xót, khắp vì chúng sinh phân biệt nói rõ, hầu khiến hiện tại và vị lai có người nghe pháp không còn mắc phải lưới nghi”.

Khi ấy Phật bảo ngài Đại-trang-nghiêm Bồ-tát rằng : “Hay lắm, hay lắm ! Thiện nam tử ! khéo hỏi Như Lai nghĩa Đại thừa Vô thượng thậm thâm vi diệu ấy, cho biết người đã làm nhiều lợi ích an vui cho hơn thiên, cứu khổ chúng sinh, thật là bậc Đại Từ bi tin thật không dối; do hơn duyên này chắc được chóng thành đạo Vô thượng Bồ-đề, cùng khiến tất cả chúng sinh đời nay đời sau chóng thành đạo Vô thượng Bồ-đề. Thiện nam tử ! Từ khi ta ngồi dưới gốc cây Bồ-đề, an tọa chơn Đạo tràng sáu năm mới đặng thành đạo Vô thượng Bồ-đề, ta lấy Phật nhãn xem tất cả các pháp không thể diễn nói. Vì sao ? Vì biết tâm ưa muốn của chúng sinh không đồng, và không đồng nên dùng các lối thuyết pháp, trong các lối thuyết pháp chỉ dùng sức phương tiện hơn 40 năm, chưa chỉ rõ nghĩa chơn thật, nên chúng sinh đắc đạo sai khác, mà chưa được thành đạo Vô thượng Bồ-đề. Thiện nam tử ! Pháp của Phật ví như nước hoặc giếng, hoặc ao, hoặc sông, hoặc hói hoặc khe rãnh, hoặc biển lớn, đều hay nửa sạch như uế. Nước pháp kia cũng như vậy, hay rửa các phiền não như

uế của chúng sinh. Thiện nam tử ! tánh nước chỉ một, mà ở nơi sông, hói, giếng, ao, khe, rãnh, biển lớn mỗi mỗi sai khác, mà ba pháp noãn, đảnh, thế đệ nhất, bốn quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, hai đạo Bồ-tát, Phật không đồng. Thiện nam tử ! công dụng của nước tuy đều là rửa, mà giếng không phải ao, ao không phải sông, hói khe rãnh không phải biển. Như Lai thế hùng, với pháp tự tại, những pháp nói ra cũng lại như vậy, đầu tiên chặng giữa, hay rốt sau đều hay sạch trừ phiền não cho chúng sinh, mà đầu tiên không phải chặng giữa, chặng giữa không phải rốt sau, đầu tiên, chặng giữa, rốt sau vẫn tự tuy một mà nghĩa đều khác. Thiện nam tử ! Ta từ khi dưới gốc cây Bồ-đề đứng dậy, đi đến vườn Lộc Uyển thành Ba-la-nại, vì A-nhã-kiều-trần-như, cả chúng năm người chuyển Tứ đế pháp luân, cũng nói các pháp bản lai vắng lặng, niệm niệm sanh diệt, thay đổi không ngừng. Trung gian và các khổ khác vì các Tỳ-kheo với chúng Bồ-tát, phân biệt giảng nói mười hai hơn duyên, sáu pháp Ba-la-mật, cũng nói pháp bản lai vắng lặng niệm niệm sanh diệt, thay đổi không ngừng. Nay ở nơi đây lại diễn nói kinh Đại thừa Vô lượng nghĩa này cũng nói các pháp bản lai vắng lặng, niệm niệm sanh diệt thay đổi không ngừng.

Thiện nam tử ! Vậy nên nói trước tiên, khoản giữa hay rốt sau, vẫn tự là một, mà nghĩa có khác nhau. Nghĩa khác nên chỗ hiểu của chúng sinh cũng khác, vì chỗ hiểu khác nên sự đắc đạo, đắc quả cũng khác.

Thiện nam tử ! Như Lai đầu tiên nói pháp Tứ đế, là vì người cầu đạo Thanh văn, mà tám ức Chư thiên xuống nghe pháp, phát tâm Bồ-đề ; khoản giữa ở các nơi, diễn thuyết pháp thậm thâm mười hai nhân duyên là vì người cầu Bích-chi Phật, mà không lường chúng sinh phát Bồ-đề tâm, hoặc trú quả Thanh văn; thử lại nói mười hai bộ kinh thuộc về Phương đẳng, hay Ma-ha-bát-nhã, Hoa-nghiêm thầy không tỏ nói nhiều kiếp tu hành của Bồ-tát, mà trăm ngàn Tỳ-kheo, muôn ức hơn thiên không lường chúng sinh đặng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, hay Bích-chi Phật thuộc về pháp mười hai hơn duyên.

Thiện nam tử ! Bởi nghĩa ấy, cho biết nói đồng mà nghĩa sai khác ; nghĩa khác nên chúng sinh hiểu khác ; vì hiểu khác, nên chỗ đắc pháp, đắc quả, đắc đạo cũng khác. Vậy nên Thiện nam tử ! Từ khi ta đắc đạo nói pháp đầu tiên, cho đến ngày nay giảng nói pháp Đại

thừa Vô lượng nghĩa chưa hề không nói đến nghĩa “khổ, không, vô thường, vô ngã” không phải chơn, không phải giả, không lớn không nhỏ, từ xưa không sanh nay cũng không diệt, một tướng vô tướng, pháp tướng pháp tánh chẳng đi chẳng đến, mà các chúng sinh hằng bị bốn tướng đổi dời.

Thiện nam tử ! Vì nghĩa ấy, tất cả các đức Phật không có hai lời, hay dùng một lời ứng khắp các tiếng, hay dùng một thân mà thị hiện trăm ngàn muôn ức na do tha không lường không số hằng hà sa thân ; trong mỗi một thân lại hiện bấy nhiêu trăm ngàn muôn ức na do tha vô số hằng hà sa các loại thân hình; mỗi một hình lại hiện bấy nhiêu trăm ngàn muôn ức na do tha vô số hằng hà sa thân. Thiện nam tử ! ấy là cảnh giới thậm thâm bất tư nghị của chư Phật, hàng nhị thừa không sao biết được, cho đến thập trú Bồ-tát cũng không sao bì kịp, chỉ Phật với Phật mới hay rốt ráo. Thiện nam tử ! vậy nên ta nói pháp Đại thừa vô lượng nghĩa thậm thâm vi diệu, văn lý chân thành, cao quý không gì hơn, ba đời các đức Phật đều cùng giữ gìn, không có các ma ngoại đạo xâm phạm, không bị tà kiến sanh tử phá hoại. Bồ-tát ma-ha-tát nếu muốn chóng thành đạo Vô thượng Bồ-đề, phải nên tu học pháp Đại thừa Vô Lượng Nghĩa vô thượng thậm thâm này”.

Phật dạy lời ấy rồi, bấy giờ trong ba ngàn đại thiên thế giới sáu món rung động, ở trên hư không tự nhiên rải xuống các món hoa trời, hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đàm-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi; lại rải vô số hương trời, áo trời, chuỗi anh lạc trời, vô giá bảo châu trời ở trên hư không lần lượt rơi xuống, cúng dường Phật và các vị Bồ-tát cùng các vị Thanh văn đại chúng; lại nữa nhà trụ chư thiên, bát đĩa chư thiên cùng các thức vị chư thiên đầy đủ trăm mùi ; với lại tràng phan bảo cái chư thiên, các món nhạc khí chư thiên, sắp bày khắp chỗ, gảy lên âm nhạc nhiệm màu, ca ngợi đức Phật. Lại sáu món rung động, hằng hà sa thế giới các đức Phật phương Đông cũng rải hoa trời, hương trời, áo trời, chuỗi anh lạc trời, vô giá bảo châu trời, nhà trụ chư thiên, bát đĩa chư thiên, đủ trăm thức vị chư thiên, cùng tràng phan bảo cái chư thiên, các món nhạc khí chư thiên gảy lên âm nhạc nhiệm màu ca ngợi đức Phật và các vị Bồ-tát cùng hàng Thanh văn đại chúng ; phương Nam, phương Tây, phương Bắc cùng bốn phía trên dưới cũng đều như vậy. Khi ấy trong chúng ba vạn hai ngàn Bồ-tát ma-ha-tát đặng Vô lượng nghĩa tam muội, ba vạn bốn ngàn Bồ-tát ma-ha-tát đặng vô lượng vô số pháp Đà-la-ni,

hay chuyển pháp luân bất thối của ba đời tất cả các đức Phật. Còn các bậc Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Thiên, Long, Dạ xoa, Càn-thát-ba, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già và các vị Chuyển luân vương, đại Chuyển luân vương, tiểu Chuyển luân vương, ngân Luân vương, thiết Luân vương v.v... với các vị Quốc vương, vương tử, thần, dân, sĩ, nữ, cùng các bậc đại trưởng giả với trăm ngàn quyến thuộc, khi nghe Phật dạy kinh pháp này, hoặc đặng Noãn pháp, Đảnh pháp, Nhẫn pháp, Thế đệ nhất pháp, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, hay Bích-chi Phật. Lại đặng vô sanh pháp nhẫn của Bồ-tát, lại đặng một pháp Đà-la-ni, hai pháp Đà-la-ni, ba pháp Đà-la-ni, bốn pháp Đà-la-ni, cho đến năm, sáu, bảy, tám, chín, mười pháp Đà-la-ni. Lại đặng trăm ngàn vạn ức pháp Đà-la-ni, đều hay tùy thuận chuyển pháp luân bất thối chuyển, vô lượng chúng sinh phát tâm vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ Ngài Đại-trang-nghiêm Bồ-tát ma-ha-tát lại bạch Phật rằng :

“Thế Tôn ! Ngài dạy pháp Đại thừa Vô lượng nghĩa, vô thượng thậm thâm vi diệu này thật là sâu xa, thật là sâu xa ! Vì sao ? Ở trong chúng hội này các vị Bồ-tát ma-ha-tát với bốn chúng Thiên, Long, Quỷ, Thần, Quốc vương, Thần dân cùng các chúng sinh nghe pháp Đại thừa vô lượng nghĩa vô thượng thậm thâm này đều chứng đặng pháp Đà-la-ni, ba pháp, bốn quả và Bồ-đề tâm. Cho biết pháp này văn lý chơn chánh cao quý không gì hơn, ba đời các đức Phật đều cùng giữ gìn, không có các ma ngoại đạo xâm phạm, không bị tà kiến sanh tử phá hoại. Vì sao ? Bởi một khi nghe được pháp này tức thọ trì tất cả các pháp, như có chúng sinh được nghe pháp này thời được lợi lớn. Vì sao ? Nếu hay tu hành thì được chóng thành đạo vô thượng Bồ-đề. Còn có những chúng sinh không được nghe pháp này, phải biết thế là mất hẳn lợi lớn, qua không lường, không ngăn không thể nghĩ nghĩ a tăng kỳ kiếp trọn chẳng đặng thành đạo vô thượng Bồ-đề. Vì sao ? Bởi không biết đường Bồ-đề rộng lớn ngay thẳng mà đi vào đường hiểm trở nhiều chướng ngại vậy.

Bạch Thế Tôn ! Kinh điển này không thể nghĩ nghĩ, xin Ngài từ bi thương xót vì khắp đại chúng diễn nói việc thậm thâm bất tư nghị của kinh pháp này, khiến cho chúng sinh được chóng thành đạo vô thượng Bồ-đề.

Bạch Thế Tôn ! Kinh pháp này từ đâu mà đến ? Đi đến đâu ? An trú chỗ nào ? Mới có sức không lường công đức không thể nghĩ nghĩ ấy, khiến các chúng sinh chóng thành đạo vô thượng Bồ-đề ?

Phật bảo ngài Đại-trang-nghiêm Bồ-tát ma-ha-tát rằng :

“Hay lắm ! Hay lắm ! Thiện nam tử ! Phải vậy, phải vậy ! Thật đúng như lời người nói. Thiện nam tử ! Ta nói kinh pháp này rất thâm diệu, rất thâm diệu, hẳn thật rất thâm diệu. Vì sao. Vì kinh pháp này hay khiến chúng sinh chóng thành đạo vô thượng Bồ-đề. Vì một khi nghe được pháp này là thọ trì tất cả các pháp. Đối với các chúng sinh rất có lợi lớn. Vì đi con đường lớn, ngay thẳng không trở ngại. Thiện nam tử ! Người hỏi kinh pháp này từ đâu mà đến, đi về đâu và an trú chỗ nào, vậy người hãy lắng nghe :

“Thiện nam tử ! Kinh pháp này vốn từ trong nhà các đức Phật mà ra đi, đến nơi tất cả chúng sinh phát tâm Bồ-đề, và an trú nơi chỗ ở của các vị Bồ-tát, thiện nam tử ! Kinh pháp này đến như vậy, đi như vậy và an trú như vậy. Vậy nên có sức không lường công đức không thể nghĩ nghĩ được ấy, hay khiến chúng sinh chóng thành đạo vô thượng Bồ-đề. Thiện nam tử ! Người có muốn nghe kinh pháp này lại có 10 công đức không thể nghĩ nghĩ không ?”

Ngài Đại-trang-nghiêm Bồ-tát bạch rằng : “Chúng tôi xin muốn nghe”

Phật dạy : 1.- Thiện nam tử ! Kinh này hay khiến Bồ-tát chưa phát Bồ-đề tâm liền phát Bồ-đề tâm, người không từ nhơn khởi tâm từ nhơn, người ưa giết hại khởi tâm đại bi, người hay tật đố khởi tâm tùy hỷ, người mê đắm khởi tâm hay xả, người xan tham khởi tâm bố thí, người kiêu mạn khởi tâm trì giới, người nhiều sân nhuế, khởi tâm nhẫn nhục, người giải đãi khởi tâm tinh tấn, người tán loạn khởi tâm thuyên định, người ngu si khởi tâm trí huệ, người không lợi tha khởi tâm lợi tha, người gây thập ác khởi tâm thập thiện, người ưa hữu vi, chí hướng vô vi, người có thói tâm khởi tâm bất thói, người làm hữu lậu khởi tâm vô lậu, người nhiều phiền não khởi tâm trừ diệt. Thiện nam tử ! Ấy gọi sức công đức không thể nghĩ nghĩ thứ nhất của kinh này.

2.- Thiện nam tử ! Như có chúng sinh được nghe Kinh này, hoặc một biến, hoặc một bài kệ, cho đến một câu, thời hay thông suốt trăm

ngàn ức nghĩa không lường số kiếp cũng không làm sao pháp ấy có không lường nghĩa. Thiện nam tử ! Kinh này ví như hạt, mỗi mỗi lại sanh trăm ngàn vạn hạt khác, như vậy lần nữa cho đến vô lượng. Kinh Pháp này cũng vậy, từ trong một pháp sanh trăm ngàn vạn nghĩa khác, như vậy lần nữa cho đến vô lượng vô biên nghĩa lý, nên gọi kinh này là “Vô Lượng Nghĩa”. Thiện nam tử ! Ấy gọi sức công đức không thể nghĩ nghĩ thứ hai của kinh này.

3.- Thiện nam tử ! Như có chúng sinh được nghe Kinh này hoặc một biến, hoặc một bài kệ, cho đến một câu, thông suốt trăm ngàn muôn ức nghĩa rồi, tuy có phiền não như không phiền não, ra vào sanh tử không tâm lo sợ, với các chúng sinh, sanh tâm thương xót, với tất cả các pháp, được tâm đồng mãn, như kẻ tráng sĩ hay gánh vác những cái nặng nề. Người trì Kinh này cũng vậy, hay gánh vác trọng nhậm Vô thượng Bồ-đề, gánh vác chúng sinh ra khỏi đường sanh tử, chưa hay độ mình đã hay độ người, như người lái thuyền thân mắc bệnh nặng tử thi thất điều, an nghỉ bờ bên này, nhưng có chiếc thuyền tốt và bền chắc, thường sắm sửa khí cụ cho những người qua bên kia đi. Người trì Kinh này cũng vậy, tuy thân bị ở trong năm đường hằng bị một trăm tám bệnh rang buộc, an nghỉ bờ vô minh lão tử bên này, mà có Pháp Đại thừa “Vô Lượng Nghĩa” chắc thật này, hay độ chúng sinh, nếu kẻ biết y theo lời nói mà tu hành, đặng qua khỏi sanh tử. Thiện nam tử ! Ấy gọi là sức công đức không thể nghĩ nghĩ thứ ba của Kinh này.

4.- Thiện nam tử ! Như có chúng sinh đặng nghe Kinh này, hoặc một biến, hoặc một bài kệ, cho đến một câu, đặng tâm đồng mãn, tuy chưa tự độ, mà đã độ người, làm quyến thuộc với các vị Bồ-tát, các đức Phật thường đến thuyết pháp cho những người ấy. Người ấy nghe pháp rồi, liền thọ trì được, tùy thuận không trái, lại còn theo cơ nghi vì kẻ khác mà giảng nói. Thiện nam tử ! Người ấy ví như một Hoàng tử mới sanh của bà Hoàng hậu, hoặc một ngày hoặc hai ngày cho đến bảy ngày, hoặc một tháng hoặc hai tháng cho đến bảy tháng, hoặc một tuổi hoặc hai tuổi cho đến bảy tuổi, tuy chưa lãnh trì việc nước, nhưng đã được Thần dân tôn kính, cùng bạn tác với những Vương tử khác. Vua và Phu nhơn rất thương mến, thường cùng nói năng. Vì sao ? Bởi còn nhỏ thơ vậy. Thiện nam tử ! Người trì Kinh này cũng vậy, chư Phật là Quốc vương, Kinh này là Hoàng hậu, hòa hiệp mà sanh ra người con Bồ-tát, nếu Bồ-tát này đặng nghe kinh này, hoặc một câu, hoặc một bài kệ, hoặc một biến hoặc

hai biển ; hoặc một trăm, một ngàn, một vạn, một ức, cho đến muôn ức hằng hà sa vô lượng vô số biển, tuy chưa thể hiệp được chơn tánh, tuy chưa chấn động được ba ngàn đại thiên quốc độ, tiếng phạm vang rầm, chuyển đại Pháp luân, nhưng đã được hết thầy Tứ chúng, bác bộ tôn kính làm quyến thuộc với các vị Đại Bồ-tát, thâm nhập pháp bí mật của chư Phật, có điển nói gì không còn trái lỗi ; vì là, sơ học nên được lòng Từ bi của chư Phật hộ niệm. Thiện nam tử ! Ấy gọi sức công đức không thể nghĩ nghĩ thứ tư của Kinh này.

5.- Thiện nam tử ! Như gã Thiện nam người Thiện nữ, hoặc khi Phật ở đời, hoặc sau khi Phật diệt độ, có người thọ trì đọc tụng, hoặc viết chép Kinh đại thừa “Vô Lượng Nghĩa Vô Thượng Thâm Thâm” này, người ấy tuy là còn đủ các phiền não ràng buộc, chưa thể xa lìa các việc phàm phu, mà hay thị hiện Đại Bồ-đề đạo, kéo dài một ngày ra làm trăm kiếp, rút trăm kiếp lại làm một ngày, khiến chúng sinh vui mừng tín phục. Thiện nam tử ! Gã Thiện nam người Thiện nữ ấy, ví như rồng con mới sanh ra bảy ngày, đã không ùn mây xuống mưa. Thiện nam tử ! Ấy gọi sức công đức không thể nghĩ nghĩ thứ năm của Kinh này.

6.- Thiện nam tử ! Như gã Thiện nam người Thiện nữ, hoặc khi Phật ở đời, hoặc sau khi Phật diệt độ, thọ trì đọc tụng kinh điển này, tuy đủ phiền não, mà vì chúng sinh thuyết pháp khiến đặng xa lìa phiền não sanh tử, diệt tất cả khổ não, chúng sinh nghe rồi, tu hành đắc pháp, đắc quả, đạo như Phật không khác. Ví như vị Vương tử tuy còn trẻ thơ, nhưng nếu vua đi du tuần, hoặc bị tật bệnh, ủy Vương tử lãnh trị việc nước, bấy giờ Vương tử y sắc mệnh Đại vương, như pháp dạy bảo khắp các quan lieu, tuyên lưu chánh hóa cõi nước nhân dân, thấy đều yên ổn như khi Đại vương lãnh trị không khác. Gã Thiện nam, người Thiện nữ thọ trì Kinh này cũng lại như vậy, hoặc Phật ở đời hoặc sau khi Phật diệt độ, gã Thiện nam người Thiện nữ ấy tuy chưa an trú vào bậc bất động, y theo thuyết giáo của Phật điển giảng lưu bố. Các chúng sinh nghe rồi, nhất tâm tu hành dứt trừ phiền não, đắc pháp, đắc quả cho đến đắc đạo. Thiện nam tử ! Ấy gọi sức công đức không thể nghĩ nghĩ thứ sáu của Kinh này.

7.- Thiện nam tử ! Như gã Thiện nam, người Thiện nữ, khi Phật ở đời hay sau khi Phật diệt độ, được nghe Kinh này, vui mừng tin kính, sanh tâm hy hữu, thọ trì đọc tụng, viết chép, giảng nói, như pháp tu

hành, phát tâm Bồ-đề, khởi các niệm lành, dấy lòng từ bi muốn độ tất cả chúng sinh khổ não, tuy chưa tu hành được sáu pháp Ba-la-mật, sáu pháp Ba-la-mật tự nhiên hiện tiền, liền ở thân này được Vô sanh pháp nhẫn, sanh tử phiền não nhất thời tiêu hoại, lên đến bậc Thất địa, thành vị đại Bồ-tát. Ví như người mạnh, vì vua dẹp giặc, khi dẹp giặc xong, Vua rất vui mừng, phong thưởng cho nửa nước. Kẻ thiện nam, người Thiện nữ thọ trì Kinh này cũng vậy, với những kẻ tu hành, người này là mạnh mẽ hơn, Pháp bảo lực độ không cầu tự đến, sanh tử oán địch tự nhiên tiêu tán, chứng Vô sanh nhẫn, được an vui phong thưởng một nửa quốc bảo của Phật. Thiện nam tử ! Ấy gọi sức công đức không thể nghĩ nghĩ như thứ bảy của Kinh này.

8.- Thiện nam tử ! Như gã Thiện nam, người Thiện nữ, khi Phật ở đời, hoặc sau khi Phật diệt độ, gặp được Kinh này, tôn trọng tín kính, xem như thân Phật không khác, ưa mến Kinh này, thọ trì đọc tụng, viết chép, cúng dường, như pháp tu hành bền vững giới, nhẫn, và bố thí, phát tâm từ bi thâm thiết, dùng Kinh Đại thừa “Vô Lượng Nghĩa” này, vì người giảng nói, truyền bá khắp nơi, như có người từ trước không tin tội phước, đem Kinh này ra dùng các món phương tiện, giáo hóa buộc phải tin, nhờ oai lực của Kinh này, khiến tâm người ấy, thoạt nhiên hồi đầu, lòng tin đã phát, đồng mãnh tinh tấn, nhờ oai đức, thể lực của Kinh này, rồi cũng đắc Đạo, đắc quả. Vậy nên gã Thiện nam người Thiện nữ ấy, nhờ công đức giáo hóa, nên liền nơi thân này được Vô sanh pháp nhẫn, tiến lên bậc trên cùng làm quyến thuộc với các Bồ-tát, chóng được thành tựu chúng sinh trang nghiêm Phật độ, không lâu thành được đạo Vô thượng Bồ-đề. Thiện nam tử ! Ấy gọi sức công đức không thể nghĩ nghĩ thứ tám của Kinh này.

9.- Thiện nam tử ! Như gã Thiện nam, người Thiện nữ, khi Phật ở đời hoặc sau khi Phật diệt độ, gặp được Kinh này, vui mừng hơn hờ dặng chươatừng có, thọ trì, đọc tụng, viết chép cúng dường, vì các chúng sinh, phân biệt giảng nói, như vậy các nghiệp đời trước, cùng các tội chương nặng nhất thời diệt hết, liền dặng thanh tịnh, được đại biện tài, thứ lớp trang nghiêm các pháp Ba-la-mật, dặng các Tam muội, Thủ Lăng Nghiêm Tam muội, vào cửa Đại tổng trì, dặng sức tinh tấn chóng dặng bước lên bậc trên, khéo hay phân thân khắp mười phương cõi nước, cứu giúp tất cả 25 loài chúng sinh khổ não đều được giải thoát. Vậy nên Kinh này có sức như vậy. Thiện nam tử ! Ấy gọi sức công đức không thể nghĩ nghĩ thứ chín của kinh này.

10.- Thiện nam tử ! Như gã Thiện nam, người Thiện nữ, hoặc khi Phật ở đời hoặc sau khi Phật diệt độ, nếu được kinh này, vui mừng sanh lòng hy hữu, tự mình đã hay thọ trì đọc tụng, viết chép, cúng dường, như lời dạy tu hành, lại hay khắp khuyến người tại gia xuất gia thọ trì đọc tụng, viết chép, cúng dường, giảng nói, như pháp tu hành ; các người tu hành ấy nhờ oai lực Kinh này, mà được đắc Đạo, đắc quả, đều do sức Từ Bi ân cần khuyến hóa của gã Thiện nam người Thiện nữ ấy, vậy gã Thiện nam, người Thiện nữ ấy, liền ở thân này, chứng được không lường pháp Đà-la-ni, đương ở địa vị phàm phu, tức thời phát vô số a tăng kỳ thệ nguyện rộng lớn, cứu độ tất cả chúng sinh, thành tựu đại bi, rộng khắp cứu khổ, dày chứa căn lành, lợi ích tất cả, pháp thủy chảy thấm, khô khan được đượm, dùng pháp dược ấy thí cho chúng sinh, khiến được an vui tất cả. Lại thấy mình vượt lên, an trú bậc Pháp vân, ân đức nhuần khắp, lòng từ bao phủ không ngoài, nhiếp các chúng sinh khổ, khiến vào dấu Đạo. Vậy nên người ấy không bao lâu sẽ đặng thành đạo “VôThượng Chánh Đẳng Bồ Đề”. Thiện nam tử ! Ấy gọi sức công đức không thể nghĩ nghĩ thứ mười của Kinh này.

Thiện nam tử ! Kinh “Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa” vô thượng này, rất có sức thần lớn, cao quý không gì hơn, hay khiến phàm phu đều thành Thánh quả, hằng lìa sanh tử, đều được tự tại. Vậy nên Kinh này gọi là “Vô Lượng Nghĩa”. Hay khiến chúng sinh ở nơi chỗ phàm phu, sanh khởi không lường giống đạo Bồ-tát, làm cho cây công đức càng được tươi tốt, chồi nhánh thêm nhiều. Vậy nên Kinh này gọi là sức công đức không thể nghĩ nghĩ vậy

Bấy giờ Ngài Đại-trang-nghiêm Bồ-tát ma-ha-tát, cùng tám vạn Bồ-tát ma-ha-tát đồng thanh bạch Phật rằng :

“Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật dạy Kinh “Đại thừa Vô Lượng Nghĩa” vô thượng thậm thâm vi diệu này văn lý chơn chánh, cao quý không gì hơn, ba đời các đức Phật đều cùng giữ gìn, không có các ma ngoại đạo xâm phạm, không bị tà kiến sanh tử phá hoại, vậy nên Kinh này mới có mười món công đức không thể nghĩ nghĩ ấy, rất có lợi ích không lường tất cả chúng sinh, khiến tất cả Bồ-tát ma-ha-tát đều đặng pháp Tam muội Vô lượng nghĩa, hoặc đặng trăm ngàn pháp Đà-la-ni, hoặc đặng các pháp nhẫn của các bậc Bồ-tát, hoặc đặng bốn quả về Duyên giác, La hán.

Thế Tôn thương xót, khéo vì chúng tôi nói pháp như vậy, khiến chúng tôi đặng pháp lợi lớn, rất là lạ lùng, chưa từng có vậy. Ân đức Thế Tôn thật khó báo đền ! Ngài Đại-trang-nghiêm Bồ-tát nói lời ấy rồi bảy giờ ba ngàn đại thiên thế giới, sáu món rung động. ở trên không lại rải vô số các món hoa trời, hoa Ưu-bác-la, hoa Bác-đàm-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi. Lại rải vô số các món hương trời, áo trời chuỗi Anh lạc trời, vô giá bảo châu trời ở trên không lần lượt rơi xuống, cúng dường Phật và các Bồ-tát cùng Thanh văn đại chúng. Lại nhà trù chư thiên, bát đĩa chư thiên, đủ trăm thức vị chư thiên, thấy sắc nghe hương, tự nhiên no đủ. Lại có tràng phan bảo cái, cùng các món nhạc khí chư thiên sắp bày các chỗ, lên tiếng nhạc nhiệm mầu. Ca ngợi đức Phật. Lại thêm sáu món rung động, hằng hà sa thế giới các đức Phật phương Đông, cũng rải hoa trời, hương trời áo trời, chuỗi anh lạc trời, vô giá bảo châu trời, nhà trù chư thiên, bát đĩa chư thiên, đủ trăm thức vị chư thiên, thấy sắc nghe hương tự nhiên no đủ; tràng phan bảo cái và các món âm nhạc chư thiên, lên tiếng nhạc nhiệm mầu, ca ngợi đức Phật với các Bồ-tát và các vị Thanh văn đại chúng. Phương Nam, phương Bắc, phương Tây cùng bốn phía trên dưới cũng vậy.

Bảy giờ Phật bảo Ngài Đại-trang-nghiêm Bồ-tát ma-ha-tát cùng tám vạn Bồ-tát ma-ha-tát rằng :

“Các người đối với Kinh này, nên sanh lòng tin kính thâm thiết, như pháp tu hành, siêng năng lưu bố, rộng hóa hết thầy, thường nên ân cần, ngày đêm giữ gìn, khiến các chúng sinh đều được pháp lợi. Các người thật là Đại từ Đại bi, lập lấy thần thông nguyện lực, giữ gìn Kinh này chớ cho đình trệ, ở đời sau đây khiến đặng lưu hành khắp cõi Diêm-phù-đề, khiến tất cả chúng sinh được thấy nghe đọc tụng, viết chép, cúng dường. Do nhân duyên ấy, cũng khiến các người được chóng thành đạo Vô thượng Bồ-đề.

Bảy giờ Ngài Đại-trang-nghiêm Bồ-tát ma-ha-tát cùng tám vạn Bồ-tát ma-ha-tát, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến nơi chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, nhiều trăm ngàn vòng liền quỳ ở trước cùng lên tiếng bạch rằng :

“Bạch đức Thế Tôn ! Chúng tôi lấy làm hoan hỷ, được Thế Tôn thương xót, vì chúng tôi giảng nói kinh đại thừa Vô lượng nghĩa vô thượng thậm thâm vi diệu này, chúng tôi kính vâng lời Phật dạy, sau

khi Phật diệt độ, sẽ lưu bố Kinh điển này khắp nơi khiến tất cả chúng sinh đều được thọ trì đọc tụng, viết chép cúng dường. Kính xin đức Thế Tôn chớ để lòng lo, chúng tôi sẽ dùng nguyện lực khắp khiến tất cả chúng sinh đều được sức oai thần của Kinh này”.

Bấy giờ Phật khen : Hay lắm hay lắm ! Các Thiện nam tử ! Các người nay thật là Phật tử chân chánh, lòng Đại từ đại bi rất hay cứu khổ ách vậy. Các người thật là ruộng phước lành tốt của chúng sinh, là bậc Thầy chỉ đường rất khéo giỏi của chúng sinh, là chỗ nương dựa lớn của chúng sinh, là nhà đại thí của chúng sinh thường dùng pháp lợi ban cho tất cả.

Bấy giờ tất cả chúng hội, đều rất hoan hỷ, lễ Phật thọ trì mà lui.

Dịch xong ngày 4 tháng 3 Phật lịch 2508.

Chú thích :

A-la-hán : Tiếng Phạm (Arhat). Trung Hoa dịch là ứng cúng hay Vô sanh. Nghĩa là khi tu hành đến bậc này, đã dứt hết mê lầm, phiền não thuộc cõi Sắc và Vô sắc, không còn sanh tử luân hồi nữa, lại được Nhân, Thiên cúng dường. Lại bậc này cũng là quả cực điểm về Tiểu thừa, với pháp Tiểu thừa không còn phải học gì nữa nên cũng gọi là Vô học, là quả thứ tư sau quả Dự lưu.

Anh Lạc: Tiếng Phạm (Keyura). Theo tục Ấn Độ không luận người trai kẻ gái, thuộc hạng thường dân hay quý phái, thường hay khâu ngọc thành chuỗi để đeo vào mình, làm đồ trang sức chuỗi ấy gọi là Anh Lạc.

A-na-hàm: Tiếng Phạm (Augâmi). Trung Hoa dịch Bất lai không trở lại là quả thứ ba sau quả Dự lưu. Bậc này đã đoạn hết phiền não tư hoặc thuộc cõi Dục, nên không còn đầu thai về cõi ấy nữa.

A-nhã-kiền-trần-như : Tiếng Phạm (Ajuâta-Kaundiuya). Trong năm vị Đệ tử đầu tiên được thọ Pháp của Phật, Ngài này là một. Người thường ưa ở chỗ vắng lặng, yên tu, lòng ly các dục nhiễm, nên gọi là A-nhã. Năm vị Đệ tử : 1.- Kiền-trần-như, 2.- Ngạch-đệ As Vajil, 3.-

Bạc-đề Bhadrīka, 4.- Thập-lực-ca-diếp Dasabala-Kāsyapa, 5.- Ma-nam-câu-ly Mahā-nāma-kulika.

A-nhã-Câu-lâu : Tên riêng ông A-nhã-kiều-trần-như.

A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề : là tiếng Phạm, Trung Hoa dịch là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

A-tăng-kỳ : Tiếng Phạm (Asamkhyā) là chữ thuộc về số mục của xứ Ấn Độ. Trung Hoa dịch Vô ương số, chỉ cho một số rất nhiều không thể nào đếm kể cho xiết được.

A-tu-la : Tiếng Phạm (Asura) xem trong Bát bộ.

Ấm. Giới. Nhập : Ấm tức là năm ấm, là sắc, thọ, tưởng, hành, thức tham khảo 12 nhưn duyên. Giới là 18 giới, mà chính là chỉ cho sáu thức sự nhận biết ở tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý. Nhập là sáu nhập; mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

Bát bộ : Tục gọi là Thiên long Bát bộ : 1.- Thiên chư thiên, 2.- Long loại Rồng, 3.- Dạ xoa Yakṣa loài quỷ, 4.- Càn-thát-bà Gandharva thần âm nhạc, 5.- A-tu-la Asura thần chiến đấu, 6.- Ca-lâu-la Garuda chim Đại bàng, 7.- Khẩn-na-la Kimuara thần pháp nhạc, 8.- Ma-hầu-la-già Mahoraga thần Mãn xà.

Bác-đàm-ma : Padura hoặc Bác-đầu-ma, là thứ hoa sen đỏ.

Ba-la-mậ : Tiếng Phạm (Paramitā) Trung Hoa dịch (đáo bỉ ngạn), là đến bờ bên kia. Chúng sinh mê ví như người đương ở bờ sông bên này, các đức Phật giác ngộ như người đã qua đến bờ sông bên kia. Tức vượt qua biển sanh tử đến bờ Niết-bàn vậy.

Ba-la-nại : Tiếng Phạm (Vāramitā), là một nước ở về lưu vực sông Hằng.

Ba ngàn đại thiên thế giới : Trong vũ trụ có rất nhiều thế giới. Hiệp một ngàn thế giới gọi là tiểu thiên thế giới, hiệp một ngàn tiểu thiên thế giới, gọi là trung thiên thế giới, hiệp một ngàn trung thiên gọi là đại thiên. Một đại thiên thế giới thông thường gọi là Tam thiên đại thiên thế giới.

Bạch hào : Một trong 32 tướng tốt của Phật. Giữa chặng mày của Phật có tướng Bạch hào, dạng như sợi long hay sợi tơ, mịn màn tươi đẹp xoay vòng theo chiều hữu, khi phóng ra thời có hào quang sáng suốt

Bảo cái : Cái, nghĩa là che. Bảo cái là cái treo che trên đầu chỗ thờ Phật, hoặc chỗ ngồi của các vị Pháp sư, Đại đức khi giảng Đạo. Dùng các thứ báu mà trang sức nên gọi là Bảo cái.

Bạc bất động : Bạc thứ tám trong thập địa. Bạc này đã đoạn tư hoặc, dùng tâm vô tướng tu hành các hạnh, không cần phải dụng tâm mà vẫn đi tới, nên gọi là bất động.

Bốn đế: Xem mục Tứ đế Pháp luân.

Bốn tướng : 1.- Sanh : là thời kỳ sanh thành của các pháp. 2.- Trú : Thời kỳ tồn tại. 3.- Di : Thời kỳ biến thiên. 4.- Diệt : Thời kỳ tiêu diệt.

Bốn tướng này chi phối tất cả sự sanh diệt chuyển biến của tất cả hiện tượng trong Vũ trụ, cho đến tâm trạng cũng không ra ngoài bốn tướng ấy.

Các đại : Đại, thủy, hỏa, phong đất, nước, gió, lửa là bốn nguyên liệu lớn tổ chức nên thân thể.

Chơn chánh giải thoát : Nghĩa là chỉ có y vào Phật đạo mà tu hành, dứt phiền não chứng giải thoát mới gọi là chơn chánh giải thoát.

Càn-thát-bà : Tiếng Phạm (Gandharva) là loài Thiên thần thường ưa hương khí.

Câu-vật-đầu : (Kumuda) là tên hoa, thuộc loài hoa sen. Có nhiều nhà giải khác nhau; có nhà bảo sen trắng, có nhà bảo sen hồng, có nhà bảo sen vàng, có nhà bảo giống hoa sen này có hai thứ; xanh và đỏ. Lại có nhà bảo là chỉ cho hoa sen búp.

Chơn trí thứ c: Những bậc có trí thức chơn chánh, biết thời biết cơ, hay khuyến dẫn người đi vào đường an lành sáng suốt.

Chuyển Pháp Luân : Đẩy bánh xe pháp. Pháp của Phật dạy hay dẹp trừ phiền não của chúng sinh, như bánh xe hay dần dẹp cỏ rác, cát sạn, nên gọi là Pháp luân. Người nói giáo pháp để chuyển tâm ô nhiễm của chúng sinh thành tâm thanh tịnh, gọi là (Chuyển Pháp Luân).

Cửa Đại Tổng Trì : Cửa, có nghĩa vào ra không ngăn ngại. Bồ-tát thâm nhập vào pháp Đại tổng trì, nên có thể gọi pháp ấy là cửa Đại tổng trì xem mục Đa-la-ni hay pháp môn đại tổng trì.

Diêm-phù-đề : Tiếng Phạm (Jambudvīpa). Tức là cõi đất người ta hiện ở đây. Theo địa lý xưa xứ Ấn Độ, về tầng thấp người ở, thuộc cõi (dục) có chia làm bốn châu; Nam thiên bộ châu. Đông thắng thần châu, Tây ngưu hóa châu, Bắc cu lô châu. Nam thiên bộ; tức là châu Diêm-phù-đề này. Vì ở phía nam nên gọi là Nam thiên bộ.

Dục trần : Dục là ngũ dục; tài, sắc, danh, thực, thụ tức là của cải, sắc, đẹp, danh vọng, ăn uống, ngũ nghĩ. Chúng sinh bị năm món dục ấy hằng làm như nhớp thân tâm như bụi nhớp, nên gọi là trần. Trong Luận Trí Độ quyển thứ 17 nói; Thuyền định là nước thanh tịnh, hay rửa sạch các dục trần.

Đà-la-ni : Tiếng Phạm Dhāraṇī. Trung Hoa dịch : Tổng trì, tức là chỉ cho công năng giữ gìn các pháp lành khiến cho không mất, các pháp dữ không sanh, chia làm bốn món : 1.- Pháp Đà-la-ni, với các pháp Phật dạy nghe giữ không quên. 2.- Nghĩa Đà-la-ni, với nghĩa của các pháp giữ gìn không quên. 3.- Chú Đà-la-ni, do sức thuyên định phát ra lời bí mật, có thần hiệu không lường. 4.- Nhãn Đà-la-ni, an trú nơi thật tướng của các pháp. Trong luận Phật địa quyển thứ năm nói; Đà-la-ni là sức tăng thượng của niệm huệ tức là sức mạnh của ký ức và trí huệ hay giữ gìn không lường Phật pháp, khiến không quên mất.

Đại Bồ-tát : Tiếng Phạm (Bodhisattava) có hai nghĩa : 1.- Những bậc hằng thường tinh tấn đồng mãnh cầu Đạo Vô thượng Bồ-đề Phật đạo. 2.- Và thường đem chỗ giác ngộ của mình mà giáo hóa cho chúng sinh, thế là lợi mình lợi người, đủ hai nghĩa ấy gọi là Bồ-tát. Đại Bồ-tát tức là chỉ cho những bậc Bồ-tát chỗ tu hành đã cao, công hạnh đã lớn.

Đại chúng : Là một nhóm người đông. Trong những thời thuyết pháp của Phật, trừ Phật ra còn bao nhiêu bậc Hiền, Thánh đều gọi là Đại chúng. Chúng tăng theo Phật tu học cũng gọi Đại chúng.

Đại Thánh Chúa : Phật là đáng chí tôn, là thánh trong bậc Thánh nên cũng gọi Phật là Đại Thánh Chúa.

Đại Chuyển luân vương : Cũng gọi là Đại thắng Kim cang, tức là vị thần do đức Đại Nhật Như Lai biến hiện ra.

Đại bi : Lòng từ bi rộng lớn, thương xót cứu vớt tất cả chúng sinh.

Đãnh Pháp : Là bậc thứ hai sau noãn pháp, sở dĩ gọi là (Đãnh) có hai nghĩa : 1.- Đãnh trán người, là sự sánh ví. Với các bậc căn lành còn xao động tức noãn pháp và đãnh pháp bậc này là quý hơn, như đỉnh trán của người cao quý hơn trong thân thể. 2.- Đãnh núi, là lời ví dụ. Vì bậc này còn ở trong tầng tấn thối, như người lên đến tột đỉnh núi, tuy tột đỉnh cũng có thể trượt xuống được nếu bị mệt mỏi. Lại có nghĩa nữa là tâm quán tưởng của bậc này đã thuần thục, đã thấy rõ pháp Tứ đế một cách chắc chắn rộng rãi như người đến đỉnh núi được trông thấy xa rộng vậy.

Đế quán : Lóng thần quán sát, đem tâm yên lặng nghe Phật pháp gọi là đế thính; dùng trí huệ chuyên nhất quán sát, trực nhận các lý huyền vi của Vũ trụ gọi là đế quán. Như long thần định trí quán hình tướng Phật hoặc cảnh Tịnh độ cũng gọi là đế quán.

Điều ngự : Điều là điều phục, điều khiển, ngự là đón ngăn, dẫn dẹp; chúng sinh mê muội điên đảo ví như voi điên ngựa dữ. Phật ví như ông nài hay người kỵ mã giỏi, có thể điều khiển mà khiến voi ngựa kia trở nên hiền hòa, không còn hung hăng, ngông cuồng nữa. Lại, Phật khi tu hơn đã điều hòa các điều lành, ngăn đón các điều dữ, nên khi thành quả Phật được danh hiệu là Điều ngự.

Đạo sư : Người dắt chúng sinh đi vào chánh đạo. Tức là tên chung của Phật và Bồ-tát.

Gió giải thoát : Do chữ giải thoát phong dịch ra. Phiền não điên đảo của chúng sinh trong thế gian như lửa nóng, đạo giải thoát của Phật như gió mát. Gió mát giải thoát thổi lên thì bao nhiêu lửa nóng phiền não đều nguội tắt.

Giới, Định, Huệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến : Năm món này gọi là ngũ phạm Pháp thân. 1.- Thân, khẩu, ý xa lìa tất cả tội lỗi, gọi là Giới. 2.- Chơn tâm đứng lặng, lìa tất cả vọng niệm, gọi là Định. 3.- Chơn trí sáng suốt chiếu tỏ các pháp, gọi là Huệ. 4.- Thân tâm giải thoát, không bị triền phược, gọi là giải thoát. 5.- Biết mình thật giải thoát gọi là Giải thoát tri kiến. Người tu hành nhờ giới, định, huệ làm nhưn mà chứng được thể Giải thoát. Giải thoát tri kiến của Pháp thân là quả, nên gọi là ngũ phạm Pháp thân.

Hằng hà sa : Các sông Hằng, ví dụ chỉ cho số rất nhiều không thể kể đếm được.

Hoa nghiêm hải không : Giáo lý Phật nói về thời Hoa nghiêm, rộng lớn như biển, và trùng trùng điệp điệp như sóng biển chập chồng với nhau không ngăn ngại, tức là cảnh giới sự sự vô ngại pháp giới. Duyên khởi vô lượng mà bản tánh vẫn không tịch, nên gọi là hải không.

Hữu lậu : lậu là lọt, hoặc là tiết lậu. Chúng sinh mê làm để các phiền não lọt vào tự tâm, như cái nhà bị giọt thường giọt rơi xuống những nhưn bản gọi là lậu. Nói rộng, các pháp sanh diệt biến hóa trong Vũ trụ cũng gọi là pháp hữu lậu.

Hữu vi : Các pháp có tạo tác sanh diệt, tức là chỉ tất cả hiện tượng biến thiên trong Vũ trụ.

Y vương : Phật hay tùy thuận căn cơ chúng sinh thuyết pháp hóa độ khiến đều được xa lìa khổ não, như ông thầy thuốc hay chẩn mạch cho thuốc các bệnh nhân, nên gọi Phật là Y vương; Chúa trong nghề thuốc.

Kim luân vương : Vị vua có oai đức lớn. Trong Kinh nói; Nếu là vị Vua sanh trong going Sát-đế-lợi Giòng vua khi làm lễ thọ vị... Ở phương Đông thoát hiện lên vầng báu chói sáng đẹp đẽ bằng chất vàng chiếu đến chỗ Vua thời Vị vua ấy chắc là vị Kim luân vương. Chất đồng thì Đồng luân vương cho đến chất thiết thì là Thiết luân vương. Kim luân vương đủ có oai đức thống trị của tứ châu thiên hạ, Ngân luân vương chỉ trị ba châu, Đồng luân vương trị hai châu, Thiết luân vương trị một châu.

Kiệt lậu : Các phiền não kết dện trong tự tâm, nên phiền não cũng gọi là Kiệt lậu.

Không ngã : Do chữ (vô ngã) dịch ra. Thân thể chúng ta chỉ do nhơn duyên giả hợp không có thường nhất chủ thể. Bậc tu hành quán sát thân mình thân người rất ráo không thật có, chúng được chơn không vô ngã. Trong Kinh Kim Cang nói; Người thông suốt được pháp vô ngã, Như Lai gọi là Chơn Bồ-tát.

Kỳ-xà-quật : Tiếng Phạm (Grdhrakuta), tức là núi Linh thú ở phía đông bắc thành Vương xá nước Ma-kiệt-đà.

Lộc Uyển : Tức là vườn Lộc-dã Horgadâva ở nước Ba-la-nại, Trung Thiên Trúc. Khi Phật mới thành đạo đến đây nói pháp Tứ đế độ ông Kiều-trần-như và bốn thầy Tỳ-kheo.

Lục thông : Sáu môn thần thông : 1.- Thiên nhãn, Phật có con mắt thấy xa không ngăn ngại như mắt người cõi sắc giới. 2.- Thiên nhĩ, Phật có tai nghe xa không ngăn ngại, như tai người cõi sắc giới. 3.- Tri tha tâm, Phật biết rõ tâm niệm của tất cả chúng sinh. 4.- Thân như ý hay là Thần túc thông, Phật biến hiện các cảnh giới được tự tại. 5.- Túc mạng, Phật biết rõ những việc kiếp của mình, và của tất cả chúng sinh. 6.- Lậu tận, Phật đã diệt trừ hết các lậu nghiệp.

Ma ha Bát nhã : Là những đạo lý thuộc về các bộ Kinh Bát nhã. Các Đạo lý Phật dạy về thời này chuyên chỉ cho chúng sinh dùng trí huệ rộng lớn, quán sát lý chơn không, cao hơn thời Phương đẳng.

Một trăm tám bệnh : Dùng mười sử : tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và tà kiến, phối hiệp với tứ đế trong ba cõi thành 88. Cõi Dục lại thêm tham, sân, si, mạn, về tư hoặc; cõi sắc và vô sắc lại thêm tham, sân, si, mạn thành 98, lại thêm thập triền vào nữa thành 108. Gọi là một trăm tám bệnh. - Thập triền : 1.- Phẫn nhuế tánh giận dữ. 2.- Phú tánh che dấu. 3.- Si mê. 4.- Hôn trầm ngũ quan mờ ám. 5.- Hý du tánh dờn cợt. 6.- Trạo cử ba nghiệp thân, khẩu, ý tháo động. 7.- Vô tâm không tự thẹn. - Vô quý không biết thẹn với người. 9.- Xan bốn sển. 10.- Tật tánh ghen ghét.

Mười hai nhơn duyên : Nhơn là nguyên nhơn, duyên là nhưng cái phụ thuộc giúp cho nguyên nhơn được phát triển và được kết quả.

Mười hai Nhơn duyên là mười hai nguyên động lực làm cho chúng sinh mê lầm, gây Nhơn chịu quả, chuốt lấy sự sống chết khổ não.

1.- Vô minh mê lầm không nhận rõ chơn lý. 2.- Hành các hành tướng lưu chuyển biến thiên trong tâm trạng. 3.- Thức nhận thức phân biệt. 4.- Danh sắc danh, các cảm giác tư tưởng, nhận thức, Sắc, các hình sắc. 5.- Lục nhập mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. 6.- Xúc đối cảnh cảm xúc. 7.- Thọ lãnh nạp. 8.- Ái ưa muốn. 9.- Thủ nắm trước tham cầu. 10.- Hữu vì lòng nắm trước tham cầu mà gây ra Nhơn quả đời sau. 11.- Sanh : thọ sanh hay chuyển sanh. 12.- Lão tử già, chết, đã có sanh phải chịu già chết.

Mười hai bộ Kinh : 1.- Tu-đa-la sutra : Trung Hoa dịch là Khế kinh, Kinh điển của Phật dạy rất hiệp với chơn lý và căn cơ của chúng sinh. Cũng gọi là Trường hàng, vì toàn bằng một thể văn xuôi. 2.- Kỳ dạ Ceya : Trung Hoa dịch là Trùng tụng ; thuật lại ý nghĩa của văn trường hàng trên. Dùng năm chữ, bảy chữ hoặc tám chữ làm một câu. 3.- Thọ ký : là những kinh Phật thọ ký chứng minh cho các vị Bồ-tát đệ tử sẽ được thành Phật sau này. 4.- Đà-đà Gâthâ : Trung Hoa dịch là Phúng tụng hay cô khí ; không thuật lại văn trường hàng như trên, chỉ làm ngay từng bài kệ mà thôi. Lấy bốn câu làm một bài kệ. 5.- Ưu-đà-na Udâna : Trung Hoa dịch là Vô vấn tự thuyết, Phật dùng trí huệ xem xét căn cơ của chúng sinh rồi tự nói Pháp ra, không đợi phải thỉnh cầu mới nói. 6.- Ni-đà-na Nidâna : Trung Hoa dịch là Nhơn duyên ; Kinh văn nói về Nhơn duyên gặp gỡ Phật pháp, và lý căn bản duyên khởi của Vũ trụ. 7.- A-ba-đà-na Avandana : Trung Hoa dịch là thí dụ ; Pháp Phật rất màu nhiệm phải dùng lối thí dụ cho người căn trí thấp dễ hiểu. 8.- Y-đế-mục-đà-già Ytvetaka : Trung Hoa dịch là Bồn sự ; kinh Phật nói về tu Nhơn đời quá khứ của Phật và các vị Bồ-tát. 9.- Xà-đà-dà Jakata : Trung Hoa dịch là Bồn sanh ; Kinh nói về Nhơn duyên thọ sanh đời quá khứ của Phật và các vị Bồ-tát đệ tử. 10.- Tỳ-Phật-lượ Vaipulia : Trung Hoa dịch là Phương quảng ; Kinh điển thuộc về Đại thừa Phương đẳng, lý nghĩa rất rộng lớn và thâm thúy. 11.- A-tỳ-đạt-ma Adbhuta-dharma : Trung Hoa dịch là Vị Tăng Hữu; Kinh nói về thần lực của Phật thị hiện những việc bất tư nghị trong lúc nói pháp, những cảnh giới mà trí người phàm không thể hiểu được. 12.- Ưu-bà-đề-xá Upadêxa : Trung Hoa dịch là Luận nghị ; Lối văn có tánh cách vấn đáp để biện luận rõ các lẽ chánh tà.

Na-do-tha : Tiếng Phạm (Nay uta), về số mục. Đối với ta là số ức. Số ức của tiếng Na-do-tha có ba bậc; 10 vạn, 100 vạn, 1,000 vạn đều gọi là Na-do-tha.

Niết-bàn : Tiếng Phạm (Nirvâna). Trung Hoa dịch là Diệt độ hoặc Viên tịch. Diệt độ là diệt hết phiền não qua khỏi biển sanh tử. Viên tịch; Trong Tâm Kinh Hiền thủ lược nói; Niết-bàn đây nói là Viên tịch, Vô lượng công đức đều đã viên mãn Viên bao nhiêu chướng hoặc đều đã diệt trừ tịch.

Noãn pháp : Lời ví dụ để chỉ một tầng bậc trong sự tu hành. Người tu hành muốn dùng lửa trí huệ để đốt các phiền não, trong khi tu tuy chưa được lửa trí huệ vô lậu phát hiện, nhưng trước khi lửa trí sanh ra, đã có tướng lửa phát bầy, như người cưa cây lấy lửa, lửa tuy chưa ra nhưng đã có hơi nóng.

Nhẫn pháp : Là quả thứ ba sau noãn pháp. Nhẫn có hai nghĩa; Ấn khả và quyết định. Nghĩa là nói bậc này nhận thật lý Tứ đế được rốt ráo quyết không sa đọa nữa.

Nhị địa : Bậc thứ hai trong thập địa. Bậc này thành tựu được pháp trì giới Ba-la-mật, dứt tư hoặc, trừ diệt tội lỗi khiến thân tâm thanh tịnh nên cũng gọi là Ly-cầu địa.

Như Lai; Như là chơn như tức là chơn lý bất sanh bất diệt. Lại, là lại, đến. Như Lai; Nương nơi thể chơn như, rồi do như đến quả mà thành bậc Chánh giác Phật. Tất cả các đức Phật đều gọi là Như Lai.

Nhục kế : Trên đỉnh của Phật có khối thịt cao lên gọi là Nhục kế. Khối thịt ấy kể Phạm phu hay đến bậc Thanh văn cũng không thể thấy được, nên cũng gọi là Vô kiến đỉnh tướng, ấy là một trong ba mươi hai tướng tốt của Phật.

Nhất tướng Vô tướng : Nhất là đối với hai, ba mà nói. Hai, ba là những cái sai khác, một là nghĩa không sai khác. Thật tướng của vũ trụ, là “một” chứ không hai. Nhưng sở dĩ nói “một” cũng chỉ là mượn mà nói cho dễ rõ, chứ thật “một” ấy cũng tuyệt đối, cũng không, nên gọi là nhất tướng vô tướng.

Phạm âm : Tiếng cõi trời Phạm thiên. Người cõi này đã ly các món dâm dục, tâm tình thanh tịnh, thường ra tiếng tăm màu nhiệm và oai

hùng, tiếng của Phật cũng như vậy, cho nên trong 32 tướng tốt có tướng Phạm âm. Kinh Pháp Hoa Văn cú có nói; “phước báo của Phật được tiếng tám màu nhiệm thanh tịnh gọi là Phạm âm”. Kinh Hoa Nghiêm nói : “Diễn ra tiếng Phạm thanh tịnh màu nhiệm, tỏ bày chánh pháp cao xa vô lượng, người nghe vui mừng đặng Đạo thanh tịnh vi diệu”.

Pháp môn : Giáo pháp của Phật nói ra là pháp tắc khuôn mẫu cho thế gian. Các bậc Hiền thánh nương vào đó mà được nhập đạo, gọi là Pháp môn. Kinh Pháp Hoa phẩm phương tiện nói “Dùng chữ Pháp môn tỏ bày Phật đạo”.

Pháp môn Giải thoát; Giải thoát là thể Niết-bàn. Người tu hành dùng trí vô lậu dứt phiền não vào cửa Niết-bàn nên gọi là cửa Giải thoát hoặc Pháp môn giải thoát. Có ba : 1.- Không tức quán rõ các pháp do như duyên sanh, không ngã, ngã sở. 2.- Vô tướng, tức quán sát thể Niết-bàn xa lìa các tướng sắc, thanh, hương, vị, xúc nam, nữ, sanh diệt. 3.- Vô nguyện, tức quán sát đời là khổ, là vô thường, và các pháp như duyên sanh đều giả dối không thật có, nên với các pháp ấy không niệm mong cầu, cho đến quán sát thể tự tâm bản lai thanh tịnh vô tướng, nên với Đạo quả tu chứng cũng không lòng đắm trước.

Pháp vân : Xem mục Thập địa.

Pháp Thân Phật : Pháp thân tức bản thể chơn lý, hoặc gọi là pháp tánh hay chơn như. Bản thể ấy sáng suốt mà có tri giác nên gọi là Pháp thân Phật.

Pháp thân Đại sĩ : Bậc Bồ-tát đã chứng lên sơ địa, và từ sơ địa sắp lên cứ trải qua một bậc dứt một phần vô minh, chứng một phần Pháp tánh, đều gọi là Pháp thân Đại sĩ. Nghĩa là bậc Bồ-tát đã chứng được Pháp thân.

Pháp Vương tử : Ở nơi các pháp, Phật được tự tại gọi là Pháp vương. Vị Bồ-tát sanh trong nhà Pháp vương, nối dòng Phật pháp gọi là Pháp vương tử.

Pháp tánh : Thể tánh của các Pháp; Tức bản thể chơn như, cũng tức là thật tướng của Vũ trụ. Luận duy thức thuật ký nói : “Chơn lý của các pháp gọi là Pháp tánh”.

Pháp tướng : Tướng trạng sai khác của các pháp trong Vũ trụ. Sách Đại thừa nghĩa chương quyển hai nói : “Tất cả pháp hữu vi vô vi trong thế gian đều gọi là pháp tướng”.

Phát tâm Đại thừa : Tức là phát Bồ-đề tâm rộng lớn tu mình, lợi người cầu đạt đến cảnh giới của chư Phật.

Phân Đà Lợi : Ấn Độ hoa sen đủ có bốn giống, xanh, vàng, trắng, đỏ. Lại thù theo khi búp khi nở, khi tàn mà có tên khác nhau. Phân-đà-lợi là hoa sen trắng đương khi nở.

Phật nhãn : Con mắt soi tỏ thật tướng của các pháp, tức là thấu triệt chơn lý của Vũ trụ.

Phương đẳng : Phương là phương hướng, có ý chỉ các phương hướng thuộc cả bầu trời. Đẳng là bằng bậc, tức là lời sánh ví. Nghĩa là sau khi Phật dạy các pháp tiểu thừa, người nghe tu hành đã có chỗ chứng ngộ. Phật liền dạy pháp Đại thừa Phương đẳng. Giáo pháp Phật dạy trong thời này nghĩa lý cao xa rộng lớn như bầu trời.

Sáu pháp Ba-la-mật : 1.- Bồ thí, 2.- Trì giới, 3.- Nhẫn nhục, 4.- Tinh tấn, 5.- Thuyên định, 6.- Trí huệ. Bồ-tát nhờ sáu pháp này đưa đến bờ giải thoát, gọi là Ba-la-mật, cũng gọi là lục độ.

Sáu món rung động : Có ba lối thuộc về sáu món rung động. a.- Sáu thời rung động, như trong Kinh nói : “Khi Phật vào thai mẹ, khi ra thai, khi xuất gia, khi thành đạo, khi thuyết pháp, khi Niết-bàn. Trong sáu khi ấy toàn cõi đất đều rung động”. b.- Sáu phương rung động ; Kinh Đại Phẩm Bát Nhã quyển một nói; “Bấy giờ đức Thế Tôn ngồi tòa Sư tử, nhập định Sư tử du hý, dùng sức thần thông cảm động đến ba ngàn đại thiên cõi nước, sáu phương rung động ; Phương đông nổi, phương tây lặn, phương tây nổi, phương đông lặn, cho đến chặng giữa nổi hai bên lặn, đất đều mềm dịu, chúng sinh hòa vui. c.- Sáu tướng rung động : 1.- Động chuyển động, 2.- Khi chỗ thấp lặn nổi cao, 3.- Dững nơi bằng phẳng tự nhiên vụt nổi lên, 4.- Chấn tiếng dậy rầm rầm, 5.- Hủu Tiếng thét gầm oai dững, 6.- Kích tiếng cạch kẹt như hai viên đá chạm vào nhau. Trong sáu món này lại có ba sức chuyển động khác nhau lại thành mười tám. Như sự rung chuyển chỉ một phương, gọi là “động”. cả bốn phương thì gọi là biến động; cả tám phương thì gọi là đẳng biến động, khi, dụng, hủu, chiếu theo đây sẽ rõ.

Sáu thú : Thú nghĩa là tới, đến. Sáu thú là sáu chỗ đi đến của chúng sinh : 1.- Người, 2.- Trời, 3.- A-tu-la, 4.- Địa ngục, 5.- Ngạ quỷ, 6.- Súc sanh.

Sơ địa : Lối tu hành của Đại thừa có chia làm 52 bậc Sơ địa là bậc đầu trong thập địa. Đối về 52 bậc kia thì đứng về bậc 41. Bậc Bồ-tát sau khi đã tu trọn kiếp A-tăng-kỳ thứ nhất, pháp kiến hoặc, chứng lý nhị không như không, pháp không thành tựu pháp bố thí Ba-la-mật lòng rất vui mừng, nên cũng gọi là hoan hỷ địa. Bậc này đã có thể hiện thân thành Phật lợi lạc chúng sinh.

Tam địa : Bậc thứ ba trong thập địa. Bậc này thành tựu được pháp nhẫn nhục Ba-la-mật, dứt tư hoặc, trí huệ mở tỏ sáng lạng nên cũng gọi là Phát quang địa.

Tam minh : Trí huệ chứng thật tỏ rõ gọi là minh. 1.- Túc mạng minh : Biết rõ những kiếp trước của mình và người, 2.- Thiên nhãn minh : Biết rõ đời vị lai của mình và người, 3.- Lưu tận minh : Biết rõ mình đã dứt sạch các mê làm phiền não.

Tám món rung : Xem sáu món rung động.

Tà kiến : Kiến giải không chơn chánh xác thực, như không tin như quả tội phước v.v...

Bích chi Phật đạo : Cũng gọi là Độc giác. Người ra đời có Phật nghe pháp 12 như duyên, y theo mà tu hành chứng quả gọi là Duyên giác. Người ra đời không gặp Phật, ưa ở nơi vắng lặng chỉ tự mình quán sát lý hóa của vũ trụ mà tu hành dứt phiền não, thoát khỏi sanh tử, gọi là Độc giác hay Bích chi.

Tỳ-kheo : Tiếng Phạm (Bhiksu) Các thầy xuất gia thọ giới cụ túc thọ đủ 250 giới của Phật. Đàn ông gọi là Tỳ-kheo, đàn bà gọi là Tỳ-kheo noi thọ đủ 350 giới Đại Tỳ-kheo là chỉ cho người Tỳ-kheo có đức hạnh lớn.

Tu-đà-hoàn : Tiếng Phạm (Srota apanna). Trung Hoa dịch là Dự lưu, hay nhập lưu. Tức là quả đầu tiên trên đường tu chứng. Quả Dự lưu, sau khi đến bậc Thế đệ nhất pháp, diệt bỏ phiền não, trí huệ vô lậu phát sanh, trừ hẳn kiến hoặc trong ba cõi, dự vào dòng pháp thánh đạo, tức là nghĩa Dự lưu.

Tư-đà-hàm : Tiếng Phạm (Skrdagauri). Trung Hoa dịch là Nhất lai; là quả thứ hai sau quả Dự lưu. Bậc này đối với chín phẩm tư hoặc thuộc về Dự giới đã đoạn hết sáu phẩm trước, ba phẩm sau hãy còn nên phải đầu thai vào cõi Dự một lần nữa, mà tu hành đoạn cho hết.

Tứ đế pháp luân : Tức là khổ, tập, diệt, đạo. 1.- Khổ : hết thấy cảnh khổ ở thế gian, Phật cực tả hết thấy cảnh thông khổ ấy cho thế gian biết mà sanh lòng nhàm chán để cầu thoát ly; 2.- Tập : nguyên nhân hết thấy cảnh khổ ở đời đều do tham, sân, si, phiền não của quá khứ mà sanh ra; 3.- Diệt : là tịch diệt Niết-bàn muốn hết thông khổ phải trừ diệt các nguyên nhân sanh ra thông khổ, diệt các nguyên nhân ấy rồi, tức chứng được cảnh giới an lành tự tại (Tịch diệt Niết-bàn). 4.- Đạo : muốn hết khổ và được giải thoát phải tu theo Đạo bát chánh: 1.- Kiến giải chơn chánh ; 2.- Suy nghĩ điều chơn chánh; 3.- Nói lời ngay thật chơn chánh; 4.- Giữ nghề nghiệp làm ăn chơn chánh; 5. Giữ thân, khẩu, ý thanh tịnh, sống đúng với Đạo lý, với chánh pháp; 6.- Siêng năng tu tập đạo mầu giải thoát. 7.- Xa lìa các tà niệm thường thường nhớ niệm chánh đạo; 8.- Tu theo các pháp Thuyền chơn chánh của Phật pháp.

Tứ vô úy : Bốn món vô úy : 1.- Nhất thế trí : Phật có vô lượng trí huệ rõ, thấy rõ tất cả các pháp không còn chướng ngại ; 2.- Lậu tận : Phật đã diệt sạch hết các phiền não, hoàn toàn thanh tịnh ; 3.- Thuyết chương đạo : với các nhơn duyên có thể ngăn cản sự tu đạo, Phật đều biết rõ và hay nói ra cho kẻ tu hành biết mà xa lánh ; 4.- Thuyết tận khổ đạo : với các đạo pháp tu hành để hết khổ. Phật đều biết rõ và hay nói ra cho chúng sinh y theo đó mà tu hành. Các đức Phật có đủ bốn món ấy, nên đối với chúng sinh nói pháp không chút rụt rè e sợ nên gọi là “Tứ vô úy”.

Tứ chúng : Bốn chúng : 1.- Phát khởi chúng : như hội Pháp hoa như Ngài Xá-lợi-phất ba lần thỉnh cầu làm duyên phát khởi Phật nói Kinh ấy. 2._ Đương cơ chúng : chúng đương cơ như các bậc Thanh văn chính nghe Kinh ấy mà được chứng ngộ. 3.- Ảnh hưởng chúng : như Ngài Văn Thù và Ngài Quán Âm từ cõi Phật khác đến để giúp Pháp hóa của Phật trang nghiêm pháp tọa. 4.- Kết duyên chúng; là những chúng sanh bậc phước đời này tuy không có ích chứng ngộ, nhưng nhờ được thấy Phật nghe pháp, làm nhơn duyên đắc đạo đời vị lai. Lại có bốn chúng xuất gia là : Tỳ-kheo, Tỳ-kheo

ni, Sa di, Sa si ni. Lại có bốn chúng vừa xuất gia tại gia là : Tỳ-kheo, Tỳ-kheo, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di v.v...

Trường giả : Là chỉ cho người vừa cải vừa đức hạnh đầy đủ. Kinh Pháp Hoa huyền tán quyển mười nói : “Tâm tánh ngay thẳng, lời lẽ chân thật, hành vi thuần cẩn, tuổi tác già cả, của cải giàu có, gọi là trường giả”

Thanh văn : Các bậc tu theo pháp Tiểu thừa, tiêu cực tự lợi mà không có lợi tha.

Thánh Vô trước : Phật là bậc Thánh trong các bậc Thánh. Ngài đã dứt hết lòng tham đắm chấp trước, có với không đều không an trú, nên gọi là Thánh Vô trước.

Thập ác : Mười điều dữ : 1.- Sát sanh, 2.- Trộm cắp, 3.- Tà dâm, 4.- Nói dối, 5.- Nói hai lưỡi, 6.- Lời thô ác, 7.- Lời thù dệt, 8.- Tham, 9.- Sân, 10.- Si. Mười điều này đều bởi trái lý mà sanh ra gọi là ác. Trái lại, thuận theo lý mà khởi tâm đối cảnh, không phạm mười điều trên gọi là thiện.

Thập thiện : Mười điều lành. Xem mục Thập ác.

Thập địa : Bậc thứ mười về thập địa. Bậc này thành tựu pháp trí huệ Ba-la-mật, đầy đủ vô lượng công đức, rưới nước cam lồ nhuần khắp chúng sinh như đám mây lớn ở hư không, hay rưới xuống những hạt nước thanh lương, nên bậc này cũng gọi là Pháp vân địa.

Thập trú Bồ-tát : Bậc Bồ-tát đã chứng đến thập trú : 1- Phát tâm trú, 2.- Tự tại trú, 3.- Tu hành trú, 4.- Sanh quý trú, 5.- Phương tiện trú, 6.- Chánh tâm trú, 7.- Bất thoái trú, 8.- Đồng chơn trú, 9.- Pháp vương tử trú, 10.- Quán đảnh trú. Mười bậc này tâm đã an trú nơi lý nên gọi là Trú.

Thập lực : Mười trí lực của Phật: 1.- Phật biết rõ những điều hợp lý và trái lý, 2.- Phật biết rõ chúng sinh có không lường nghiệp, 3.- Biết rõ các pháp Thuyên định tam muội, 4.- Biết rõ tầng bậc cao thấp các căn tánh của chúng sinh, 5.- Biết rõ những ưa muốn sai khác của chúng sinh, 6.- Biết rõ tất cả những cảnh giới sai khác của chúng sinh trong thế gian, 7.- Biết rõ chỗ đi đến của tất cả phàm phu hiền thánh thế gian và xuất thế gian, 8.- Biết rõ tánh danh, khổ,

vui, thọ, yểu của tất cả chúng sinh, 9.- Biết rõ sự sống chết qua lại các kiếp trước của tất cả chúng sinh và vô lậu Niết-bàn của các Hiền thánh, 10.- Tự biết mình đã dứt hết nghiệp hoặc tập khí, không còn sanh tử triền phược nữa.

Thật tướng : Tướng chơn thật không giả dối, tức là chỉ cho bản thể vạn hữu trong Vũ trụ. Bản thể ấy có khi gọi là “pháp tánh”, “chơn như” hay thật tướng. Danh từ tuy khác mà thể là một.

Thậm thâm bất tư nghi : Pháp Phật rất sâu xa màu nhiệm, không thể dùng lời nói phô, trí tưởng tượng mà phân biệt giảng nói được.

Thế Tôn; Hiệu của Phật. Trong kinh Tịnh Ảnh Sớ nói : “Phật đủ các đức, thế gian ai cũng đều tôn kính nên gọi là Thế Tôn”.

Thế hùng : Cũng là một danh hiệu của Phật.

Thế đệ nhất : Bậc thứ tư sau nhãn pháp. Thế, là thế gian. Nghĩa là người tu hành đến bậc này tuy chưa chứng được Thánh đạo, nhưng đối với hữu lậu thế gian, bậc này là cao nhất, được tôn trọng nhất.

Thủ Lăng Nghiêm Tam muội : Tiếng Phạm (Suram-gama-samâdhi). Trung Hoa dịch là “Nhất thế sự cứu kính kiên cố”. Tức định (Thủ Lăng Nghiêm). Phật được định này tất cả công đức đều được kiên cố viên mãn, các ma không thể phá hoại.

Thuyền định : Thuyền, tiếng Phạm (Dhyâna). Trung Hoa dịch là “Tư duy tu” hay Tịnh lự. Tư duy tu; người tu hành lấy một chơn lý làm đối tượng rồi chuyên tâm suy nghĩ xét tìm kỳ cho phát minh được chơn lý ấy. Tịnh lự; tất cả niệm lự được thanh tịnh, hay làm cho thanh tịnh các niệm lự, ở trong thể thanh tịnh ấy để xét tìm chơn lý, dứt trừ nghiệp hoặc mê lầm. Định ; Tiếng Phạm (Sacuâdhi). Tức là tâm chuyên chú vào một cảnh, xa lìa bao nhiêu vọng tưởng tán loạn. Thuyền định có nhiều tầng bậc cao thấp khác nhau, như; Thuyền định của ngoại đạo, thuyền định của Phật pháp, thuyền định của các bậc Thanh văn, La-hán, Bồ-tát và Phật v.v...

Thuyền tịch : Thuyền là thuyền định, tịch là vắng lặng. Kinh Duy ma nói : “Một lòng vắng lặng nhiếp các vọng tưởng. Kinh Bát động nói : Tâm ấy Thuyền tịch, thường an trú trong cảnh tam muội chánh định”.

Thọ trì : Thọ : lãnh thọ; Trì : ghi nhớ gìn giữ. Kinh Thắng Mạng Bồ Khốt quyền thượng nói : đầu tiên lãnh thọ ở tâm gọi là “Thọ”, rồi sau nhớ giữ không mất gọi là “Trì”.

Tràng phan : Các thứ phan phướng treo ở Điện chùa để trang nghiêm.

Triền phục : Ràng buộc. Bị các nghiệp chướng phiền não ràng buộc được tự tại giải thoát.

Tám mươi món tốt : Phật có 32 tướng tốt đẹp, ngoài tướng đẹp ấy lại có những tướng tốt khác nhưng vi tế và kín đáo hơn, và cùng khắp thân thể làm cho người trở nên long lanh sáng suốt màu nhiệm, đại khái có 80 món, gọi là tám mươi món tốt.

Ưu-bà-tắc : Trung Hoa dịch là Cận sự nam. Cận sự nghĩa là thường thân cận cúng dường ủng hộ các bậc xuất gia tu hành, tức là chỉ những người tại gia cư sĩ.

Ưu-bà-đi : Trung Hoa dịch là Cận sự nữ. Tức là nữ cư sĩ xem mục Ưu-bà-tắc.

Ưu-bác-la : Tiếng Phạm (Utpala). Thứ hoa sen xanh ở Ấn Độ.

Vô lậu : Không còn rơi lọt, tức là nói các bậc Thanh văn hay Bồ-tát tu hành đã dứt hết phiền não, tự tâm thanh tịnh giải thoát, các nghiệp chướng không còn rơi lọt vào nữa, nên gọi là vô lậu.

Vô lượng nghĩa tam muội : Như trong Kinh Phật dạy; Vô lượng nghĩa đều do nơi một “Thật tướng” mà sanh ra. Phật đem tâm yên lặng tam muội định nhập trong thể thật tướng ấy gọi là Vô lượng nghĩa tam muội.

Vô sanh pháp nhẫn : Vô sanh tức chơn lý không sanh không diệt, Nhẫn, có nghĩa là tin chịu gìn giữ. Là nói dùng trí vô lậu an trú trong thể chơn lý bất sanh bất diệt, tâm không lay động. Trong Đại Trí Độ luận quyển 50 nói : “Đối với thật tướng vô sanh diệt của các pháp, tin chịu thông suốt không ngăn ngại, không thối lui, gọi là Vô sanh nhẫn”.

Vô tướng : Thật tướng của vũ trụ không hình không sắc, không có tướng trạng nên gọi là vô tướng, nhưng không phải không. Trong Kinh Niết-bàn quyển 40 có nói; “Cái tướng vô tướng gọi là thật tướng”.

Vô thượng chánh đẳng chánh giác : Chỗ giác ngộ của Phật không còn ai hơn nữa, gọi là Vô thượng ; xa lìa tà vạy gọi là chánh, ngộ được chơn lý nên gọi là giác.

Vô thượng đại thừa : Tức chỉ cho giáo pháp Đại thừa này không có pháp nào hơn nữa nên gọi là vô thượng.

Vô thượng Bồ-đề : Tức vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Vô vi : là thi vi tạo tác, Vô vi là cái không thi vi tạo tác. Lại không bị bốn tướng sanh, trụ, dị, diệt cai quản, tức là bản thể chơn lý.

Vương xá : Tiếng Phạm (Rājagṛha). Là một thành lớn ở nước Ma-kiệt-đà Magadha ở trung Ấn Độ.

Xe pháp bất thoái : Phật và Bồ-tát thuyết pháp, gọi là pháp luân xe pháp. Các bậc Bồ-tát nghe pháp Phật dạy đạo niệm càng thêm tăng tấn gọi là bất thoái không lui. Lại các bậc Bồ-tát đã chứng được pháp “bất thoái” rồi, đem pháp ấy dạy cho chúng sinh khiến đặng bất thoái nên gọi là chuyển xe pháp “bất thoái”.

---o0o---
HẾT